TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HSST
Ngày: 21/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Từ Quốc Thái Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Hoàng**

***Thư ký phiên toà*:** Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà*:** Ông **Bùi Văn Đông** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

PHẠM HỒNG T - Sinh năm: 1993, tại Bình T.

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã LaGi, tỉnh Bình T.

Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; Con ông: Phạm Hồng P, sinh năm: 1965 và bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm: 1970; Vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 1/ Ngày 22/10/2013, bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 03 năm tù, về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số 92/2013/HSST). Ngày 31/8/2015, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (theo Giấy chứng nhận đặc xá số 1002/GCNĐXX của Giám thị Trại giam Huy Khiêm).

2/ Ngày 10/3/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 18 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 14/2016/HSST). Ngày 08/02/2017, bị cáo chấp hành xong án phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 321/GCN của Giám thị Trại giam Thủ Đức).

Bị cáo bị bắt ngày **10/10/2018**, bị tạm giữ từ ngày 10/10/2018 đến ngày 11/10/2018 được trả tự do, theo Quyết định trả tự do số 1775 ngày 11/10/2018 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã L.

Bị cáo bị bắt lại ngày **05/12/2018**, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 01 ngày 03/12/2018 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã L. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Có mặt)

**** Bị hại:*** **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1978 - Trú tại: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình T. (Vắng mặt)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** **Phan Thị Kim H**, sinh năm: 1970 - Trú tại: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình T. (Có mặt)

**** Người làm chứng:*** **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1975 - Trú tại: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình T. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/10/2018, bị cáo Phạm Hồng T điều khiển xe môtô biển số 86B6 - 042.11 chạy trên Quốc lộ 55, hướng từ thị trấn T, huyện Hàm Tân về thị xã L. Trên đường đi, T thấy chị Nguyễn Thị T đang điều khiển xe môtô chạy phía trước cùng chiều, trên xe có để một cái giỏ xách ở baga phía trước nên T nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi xách của chị T1 để lấy tiền trả nợ và tiêu xài. Thực hiện ý định này, T điều khiển xe chạy theo sau xe của chị T1. Khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đến đoạn đường thuộc khu phố 1, phường T, thị xã L, T điều khiển xe chạy vượt lên phía bên phải xe của chị T1, dùng tay trái giật lấy chiếc giỏ xách, rồi điều khiển xe chạy đến cầu Cây Chanh (thuộc thôn T, xã Tân Bình, L), rẽ vào đường đất đỏ khoảng 100 mét thì dừng lại, T lục giỏ xách của chị T1 lấy 150.000 đồng, thấy phía sau ốp điện thoại có 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 02 USD, T lấy 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, vứt chiếc điện thoại xuống suối gần đó và vứt chiếc giỏ xách vào bụi cây bên đường rồi điều khiển xe chạy về nhà. Ngay lúc này, có bà Nguyễn Thị L đi xe đạp ngang qua thấy T vứt chiếc túi xách vào bụi cây nên bà L đến nhặt đem về nhà mình kiểm tra thì thấy bên trong giỏ xách có một bịch nylon màu đen, bên trong bịch nylon có 02 quần lót nữ, số tiền 9.000.000 đồng, một số giấy tờ và dụng cụ cá nhân. Đến ngày 13/10/2018, bà L đem chiếc giỏ xách cùng với tài sản trên đến giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã L. Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L mời Phạm Hồng T đến làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã truy tìm chiếc điện thoại mà T vứt xuống suối nhưng không thu giữ được.

Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị T thì trong túi xách có những tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo màu vàng nhạt, có ốp lưng màu hồng trong suốt, bên trong ốp lưng có 01 tờ vé số, 01 tờ tiền mệnh giá 02 USD, 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 02 bộ quần áo nữ, 02 hộp nhựa; 01 bịch nylon màu đen bên trong có đựng 9.000.000 đồng (gồm 18 tờ mệnh giá 500.000 đồng), 02

quần lót nữ; 150.000 đồng; 01 bịch trầu cau; 01 bì thư bên trong có đựng 01 thẻ ATM, 01 thẻ bảo hiểm y tế.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 95/KL-ĐGTS ngày 18/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận: 01 chiếc giỏ xách màu nâu, hiệu Gucci có giá trị 80.000 đồng; 02 bộ đồ nữ có giá trị 50.000 đồng; 02 hộp nhựa màu trắng có giá trị 20.000 đồng; 02 quần lót nữ có giá trị 10.000 đồng; 02 USD có giá trị là (02 USD x 23.295 đồng) 46.590 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo không thu giữ được nên không có cơ sở định giá.

Vật chứng thu giữ, gồm: 01 chiếc giỏ xách màu nâu hiệu Gucci, số tiền 9.000.000 đồng, 02 bộ đồ nữ, 02 hộp nhựa màu trắng, 02 quần lót nữ, 01 bì thư bên trong có đựng 01 thẻ ATM, 01 thẻ bảo hiểm y tế. Ngày 03/12/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T.

Đối với 01 xe môtô biển số 86B6 - 042.11, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Huỳnh Thị Kim H (mẹ của Phạm Hồng T).

Đối với 01 cái áo khoác màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 cái khẩu trang màu đen, hiện đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L quản lý.

Phần dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Hồng T đã tác động gia đình thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 3.190.000 đồng, chị Tâm có đơn bãi nại và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 20/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Phạm Hồng T, về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Hồng Tnhư nội dung cáo trạng nêu và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Hồng T, phạm tội: "Cướp giật tài sản".

Áp dụng: Điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171; Điểm b, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt: Bị cáo Phạm Hồng T, mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

* Biện pháp tư pháp; Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 cái áo khoác màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 cái khẩu trang màu đen.

- Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hồng T khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận cáo trạng của VKSND thị xã L truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

- Bị cáo Phạm Hồng T không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L.

* *Bị cáo Phạm Hồng Tnói lời sau cùng:* Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, lời khai của bị hại, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập và phản ánh trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/10/2018, bị cáo Phạm Hồng T điều khiển xe môtô biển số 86B6 - 042.11 chạy trên Quốc lộ 55, hướng từ thị trấn T, huyện H về thị xã L. Trên đường đi, T nhìn thấy chị Nguyễn Thị T đang điều khiển xe môtô phía trước cùng chiều, trên baga xe có để 01 cái giỏ xách, nên nảy sinh ý định giật chiếc túi xách của chị T1. Thực hiện ý định này, T điều khiển xe chạy theo sau xe của chị T1. Khi đến đoạn đường thuộc khu phố 1, phường T, thị xã L, lúc này khoảng 12 giờ cùng ngày, quan sát thấy không có người tham gia lưu thông trên đường, nên T tăng ga điều khiển xe chạy vượt lên phía bên phải xe của chị T1, dùng tay trái giật lấy chiếc giỏ xách, rồi nhanh chóng tẩu thoát. T điều khiển xe chạy đến khu vực cầu Cây Chanh, thuộc thôn B, xã T, thị xã L, cho xe rẽ vào đường đất đỏ khoảng 100 mét thì dừng lại, T lục giỏ xách của chị T1 lấy 150.000 đồng, nhìn thấy phía sau ốp lưng điện thoại có 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2 USD, T lấy 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, rồi vứt chiếc điện thoại xuống suối gần đó, đồng thời vứt luôn chiếc giỏ xách của chị T1 vào bụi cây bên đường, rồi điều khiển xe chạy về nhà, tiêu xài hết số tiền trên. Ngay lúc này, bà Nguyễn Thị L đi xe đạp ngang qua thấy T vứt chiếc túi xách vào bụi cây nên nhặt đem về nhà mình kiểm tra thì thấy bên trong giỏ xách có một bịch nylon màu đen, bên trong bịch nylon có 02 quần lót nữ, số tiền 9.000.000 đồng, một số giấy tờ và dụng cụ cá nhân, nên giao nộp cho công an. Sau khi sự việc xảy ra, cơ quan điều tra mời T đến làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 95/KL-ĐGTS ngày 18/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận: **01** chiếc giỏ xách màu nâu, hiệu Gucci có giá trị 80.000 đồng; **02** bộ đồ nữ có giá trị 50.000 đồng; **02** hộp nhựa màu trắng có giá trị 20.000 đồng; **02** quần lót nữ có giá trị 10.000 đồng; **02** USD có giá trị là (02 USD x 23.295 đồng) 46.590 đồng; Riêng **01** chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo không thu giữ được nên không có cơ sở định giá. Như vậy, tổng trị giá tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T là **10.356.590** đồng.

Hành vi trên của bị cáo Phạm Hồng T đã phạm vào tội: "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét thấy, bị cáo Phạm Hồng T sử dụng xe máy để thực hiện hành vi cướp giật tài sản đối với người bị hại đang đi xe máy là rất nguy hiểm, dễ gây thương vong cho người bị hại, đây là tình tiết định khung hình phạt "Dùng thủ đoạn nguy hiểm". Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, với 02 tiền án về tội: "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản". Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HSST ngày 10/3/2016 của TAND thị xã L đã áp dụng tình tiết "Tái phạm" đối với bị cáo. Đến ngày 08/02/2017, bị cáo chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, mặc dù chưa được xóa án tích theo luật định, nay bị cáo tiếp tục phạm tội mới do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Đây là các tình tiết định khung hình phạt của tội "Cướp giật tài sản", được quy định tại Điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Phạm Hồng Tvề tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe để lao động tạo thu nhập chính đáng. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, chây lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, cũng như nơi đường vắng, ít người qua lại, đối tượng bị cáo hướng đến là phụ nữ đang điều khiển xe máy, để ép xe bị hại giật lấy tài sản, rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, tạo tâm lý mất an toàn trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Tài sản đã được thu hồi một phần trả lại cho bị hại, quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại có đơn bãi nại và không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có ông ngoại ruột là liệt sỹ. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã giải quyết xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 cái áo khoác màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 cái khẩu trang màu đen thu giữ của bị cáo T, hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L. Xét, đây là các đồ vật bị cáo mang khi thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng và tại tòa hôm nay bị cáo T không có yêu cầu nhận lại, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bà Huỳnh Thị Kim H (mẹ ruột của bị cáo Phạm Hồng T) đã thỏa T bồi thường số tiền 3.190.000 đồng cho bị hại chị Nguyễn Thị T, chị T1 không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Hồng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Điểm d, điểm i Khoản 2 Điều 171; Điểm b, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hồng T, phạm tội: "Cướp giật tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng T**04 (Bốn)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **05/12/2018**, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày **10/10/2018** đến ngày **11/10/2018**.

[2] Về xử lý vật chứng; Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên: Tịch thu tiêu huỷ 01 cái áo khoác màu đen, 01 nón bảo hiểm, 01 cái khẩu trang màu đen. Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L,

theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2019 giữa Cơ quan CSĐT công an thị xã L với Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

[3] Về án phí; Áp dụng: Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Hồng Tphải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo; Áp dụng: Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình T;*
- *VKSND tỉnh Bình T;*
- *CA tỉnh Bình T;*
- *VKSND thị xã L;*
- *THADS thị xã L;*
- *Công an thị xã L;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án;*
- *UBND địa phương nơi BC cư trú.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình